

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
MỎ VIỆT BẮC TKV – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1227/CBTT-XMQT
(V/v: Công bố thông tin)

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 06 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI

Trụ sở chính: Xã An Khánh, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02083.843.185 Fax: 02083.843.185

Mã chứng khoán: CQT

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Minh Hải

Địa chỉ: SN 06 ngõ 45 tổ 30 Phường Quan Triều, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0977.995.831

Loại công bố thông tin: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ

Nội dung công bố thông tin: Hợp đồng kiểm toán soát xét BCTC 6 tháng và kiểm toán BCTC năm 2026

(Kèm theo hợp đồng kiểm toán số 141/2026/HĐKT/BDO-CQT ngày 26/06/2026 giữa Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI và Công ty TNHH kiểm toán BDO)

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/06/2026 tại đường dẫn <http://www.ximangquantrieu.com/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố.

Thái nguyên, Ngày 29 tháng 06 năm 2026.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



Nguyễn Minh Hải

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----&&&-----

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2026

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT

(số: 141/2026/HĐKT/BDO-CQT)

V/v: *Soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2026 và kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026 của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI*

Căn cứ:

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/03/2011; và Điều 3 của Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Nghị Định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 của Chính Phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật kiểm toán độc lập; và Nghị định số 90/2025/NĐ-CP ngày 14/4/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2012/NĐ-CP
- Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Quyết định số/QĐ – XMQT ngày/...../2026 của Giám đốc công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG QUÁN TRIỀU VVMI

- Người đại diện : Ông TRẦN VIỆT CUÔNG
- Chức vụ : Giám đốc
- Trụ sở tại : Xã An Khánh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại : 0208 3843185
- Fax : 0208 3843185
- Tài khoản số : 114000028142, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Thái Nguyên
- Mã số thuế : 4600409377

Bên B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

- Người đại diện : Ông PHẠM TIẾN HÙNG
- Chức vụ : Tổng Giám đốc
- Trụ sở tại : Tầng 20, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : +84 (0) 24 3783 3911
- Fax : +84 (0) 24 3783 3911
- Email : bdo.hn@bdo.vn

- Tài khoản số : 288 113 214 3998 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – PGD Nam Trung Yên
- Mã số thuế : 0101333767

♦ **ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

1. Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính của Bên A cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026, bao gồm Bảng báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc/giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

Dịch vụ soát xét của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về báo cáo tài chính của Bên A.

2. Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2026 của bên A bao gồm: Bảng báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Cuộc kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của bên A.

3. Kiểm tra, soát xét và xác nhận số liệu trong các biểu báo cáo phục vụ việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 2026 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2026 của Tổng công ty và Tập đoàn TKV, bao gồm nhưng không giới hạn các báo cáo sau:

- ✓ Báo cáo doanh thu nội bộ Tập đoàn các lĩnh vực: Than, vật liệu nổ, khoáng sản, alumin, xây dựng cơ bản, cơ khí, dịch vụ, khác;
- ✓ Báo cáo doanh thu ngoài Tập đoàn các lĩnh vực: Than, vật liệu nổ, khoáng sản, alumin, xây dựng cơ bản, cơ khí, dịch vụ, khác;
- ✓ Bảng kê vật tư, hàng hoá mua bán trong nội bộ Tập đoàn;
- ✓ Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị năm báo cáo;
- ✓ Báo cáo chi tiết tài sản mua trực tiếp các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn để hình thành TSCĐ tại đơn vị năm trước;
- ✓ Báo cáo chi tiết vốn điều lệ, vốn thực góp các công ty cổ phần hoặc công ty liên kết v.v..
- ✓ Kiểm toán quyết toán chi thường xuyên quỹ môi trường than - khoáng sản và quỹ thăm dò than - khoáng sản;
- ✓ Báo cáo các khoản phải thu phải trả (phân loại ngắn và dài hạn) trong nội bộ Tập đoàn;
- ✓ Bảng kê góp vốn của chủ sở hữu vào công ty (đối với đơn vị là công ty cổ phần);
- ✓ Bảng kê vốn đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty liên doanh, liên kết (nếu có).

4. Kiểm tra và xác nhận số liệu Báo cáo quản trị năm 2026 theo mẫu quy định tại Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/1/2017, Biểu mẫu số 07-TKV (báo cáo giá thành tiêu thụ sản phẩm) theo công văn số 518/TKV-KT-KS-KH ngày 9/2/2017 và quyết định sửa đổi nội dung thay thế (nếu có).

5. Phát hành cáo cáo kiểm toán bằng tiếng Anh cho BCTC bán niên và kết thúc năm 2026

6. Thời gian thực hiện: Từ khi ký Hợp đồng đến hết 31/3/2027.

7. Loại hợp đồng: Trọn gói

♦ **ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

* *Trách nhiệm của Bên A:*

Cuộc kiểm toán và soát xét của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;

- Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan chậm nhất vào ngày 13/07/2026 đối với kỳ soát xét 6 tháng đầu năm và chậm nhất vào ngày 19/01/2027 đối với kỳ kiểm toán cả năm tài chính năm 2026, và:

+ Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;

+ Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán/hoặc soát xét;

+ Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán/hoặc soát xét.

- Về việc tuân thủ pháp luật và các quy định của Bên A, Ban giám đốc của Bên A có trách nhiệm bảo đảm rằng Công ty tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan, mà tạo nên khuôn khổ pháp lý trong đó hoạt động kinh doanh được thực hiện và đóng vai trò then chốt đối với khả năng hoạt động của Công ty. Ban giám đốc Bên A phải cung cấp cho Bên B thông tin về các hành vi không tuân thủ thực tế đã biết hoặc có thể xảy ra, bao gồm cả các hành vi vi phạm pháp luật, mà ảnh hưởng của chúng cần được xem xét khi lập báo cáo tài chính.

- Bên A đảm bảo các thông tin cung cấp cho Bên B là chính xác, trung thực, đầy đủ và thông báo ngay cho Bên B biết nếu có bất kỳ thay đổi nào đối với những thông tin mà Bên A đã cung cấp cho Bên B.

- Bên A đảm bảo rằng Bên B có quyền sử dụng hợp pháp đối với các thông tin hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba mà Bên A cung cấp cho Bên B để thực hiện cho dịch vụ kiểm toán này, nếu có;

- Ban giám đốc của Bên A có trách nhiệm quản lý, bảo quản và lưu trữ tài liệu kế toán (bao gồm cả sổ đăng ký theo quy định) như theo yêu cầu của Luật Kế toán Việt Nam và các quy định liên quan khác.

- Ban giám đốc Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B bản dự thảo báo cáo tài chính và thông tin khác kèm theo một cách kịp thời để Bên B có thể hoàn thành cuộc kiểm toán theo đúng lịch trình dự kiến.

- Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán / hoặc soát xét vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán / hoặc soát xét cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

- Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

- Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác phát sinh (nếu có) cho bên B theo quy định tại **Điều 5** của hợp đồng này.

*** Trách nhiệm của Bên B:**

Đối với dịch vụ soát xét BCTC giữa niên độ:

- Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

- Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

- Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét.

- Bên B thực hiện công việc soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

- Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện soát xét. Theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận của mình về báo cáo tài chính của Bên A.

Đối với kỳ kiểm toán cuối năm:

- Trách nhiệm của Bên B là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán;

- Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

- Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

- Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

- Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của bên A.

- Tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt; tài sản cố định; số lượng, chất lượng vật tư, sản lượng hàng tồn kho, dở dang và các khoản công nợ, tiền, vốn, ... tại ngày 31/12/2026 theo yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán và ký xác nhận trên các Biên bản kiểm kê đã chứng kiến;

- Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

- Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

*** Bảo mật**

- Việc Bên B thực hiện kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đồng nghĩa với việc các thông tin mà Bên B thu thập trong quá trình kiểm toán phải tuân thủ các yêu cầu bảo mật nghiêm ngặt.

- Không bên nào được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào, nếu chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia, bất kỳ thông tin mật nào được bên kia cung cấp nhằm mục đích cung cấp hoặc nhận theo hợp đồng dịch vụ này. Thông tin sẽ được xem là thông tin mật nếu khi được tiết lộ bằng văn bản thì được đánh dấu là “mật”, hoặc nếu được tiết lộ bằng lời nói thì được xác nhận lại bằng văn bản là “mật”, hoặc trong trường hợp khác mà rõ ràng là thông tin mang tính chất mật (“Thông tin Mật”). Điều khoản hạn chế này không áp dụng đối với thông tin:

+ là hoặc trở nên phổ biến rộng rãi đối với công chúng, không phải do việc vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo điều khoản này; hoặc

+ được tiếp nhận từ một bên thứ ba mà không có bất kỳ nghĩa vụ bảo mật nào liên quan đến thông tin đó; hoặc

+ đã thuộc sở hữu của bên nhận mà không kèm bất kỳ hạn chế nào trước ngày bên nhận nhận được thông tin từ bên kia; hoặc

+ được bên nhận tự mình phát triển một cách độc lập.

- Mặc dù có các quy định nêu trên, Bên B vẫn được phép tiết lộ Thông tin Mật:

+ cho các công ty bảo hiểm hoặc luật sư của Bên B, với điều kiện Thông tin Mật vẫn được giữ bí mật, trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp pháp lý đã xảy ra, có khả năng xảy ra hoặc đang xem xét liên quan đến hợp đồng dịch vụ này; hoặc

+ cho các đơn vị khác trong mạng lưới BDO liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ theo hợp đồng này, hoặc để soát xét chất lượng, hoặc để kiểm tra tính độc lập và xung đột lợi ích; hoặc

+ nếu pháp luật hoặc quy định bắt buộc đối với Bên B yêu cầu phải tiết lộ, với điều kiện (và không vi phạm bất kỳ yêu cầu pháp lý hoặc quy định nào) Bên B, trong phạm vi khả thi hợp lý, phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước ít nhất 3 ngày làm việc.

- Trong trường hợp Bên A chỉ định hoặc đã chỉ định một đơn vị trong mạng lưới BDO để thực hiện công việc tư vấn hoặc thuế, Bên A có thể cho phép Bên B cho đơn vị đó truy cập vào giấy làm việc liên quan đến cuộc kiểm toán để đưa các thông tin và giải thích mà liên quan đến các giấy làm việc này. Tuy nhiên, Ban giám đốc của Bên A cần hiểu rằng giấy làm việc của Bên B được lập ra chỉ riêng cho mục đích kiểm toán, và có thể không phù hợp để sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

- Liên quan đến dữ liệu cá nhân:

+ Đối với dữ liệu cá nhân mà Bên A cung cấp cho Bên B, Bên A xác nhận rằng việc xử lý dữ liệu này theo các điều khoản của hợp đồng dịch vụ này sẽ không khiến Bên B vi phạm bất kỳ quy định pháp luật nào về bảo vệ dữ liệu cá nhân đang áp dụng;

+ Các Bên cam kết tuân thủ Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 và các quy định pháp luật có liên quan đến dữ liệu cá nhân trong phạm vi của hợp đồng này.

*** Xung đột Lợi ích /Độc lập**

- Trong trường hợp Bên B đã bắt đầu thực hiện kiểm toán và sau đó nhận diện ra các tình huống hoặc xung đột lợi ích mà có thể ảnh hưởng đến tính độc lập đối với công việc kiểm toán này hoặc bất kỳ công việc nào khác mà Bên B thực hiện cho Bên A hoặc bất kỳ đơn vị liên kết nào trong cấu trúc của Bên A, Bên B sẽ tìm cách giải quyết tình huống đó nhanh nhất có thể và tìm kiếm giải pháp cho phép Bên B tiếp tục thực hiện hợp đồng. Các giải pháp có thể bao gồm việc áp dụng các biện pháp bảo vệ hoặc rào chắn, chẳng hạn như: rào cản đạo đức (ethical dividers), bố trí nhóm làm việc riêng biệt, tách biệt về mặt địa lý, và bảo đảm sự độc lập trong vận hành (operational independence). Trong trường hợp Bên B cho rằng tình huống không thể được giải quyết, ngay cả khi đã áp dụng các biện pháp bảo vệ, Bên B có thể buộc phải chấm dứt hợp đồng ngay lập tức, tuy nhiên Bên B sẽ tham vấn Bên A trước khi thực hiện bước này.

- Bên A đồng ý rằng Bên B, bao gồm nhân viên, giám đốc, chuyên gia và những người kế nhiệm của Bên B, sẽ không chịu trách nhiệm đối với Bên A về bất kỳ hành động, thiệt hại, khiếu nại, trách nhiệm pháp lý, chi phí, chi tiêu hoặc tổn thất nào phát sinh dưới bất kỳ hình thức nào từ việc Bên B từ nhiệm khỏi vị trí kiểm toán viên của Bên A do tình huống hoặc xung đột lợi ích gây ảnh hưởng đến tính độc lập của Bên B liên quan đến hợp đồng dịch vụ này.

*** Giải Trình Của Ban Giám Đốc**

- Theo yêu cầu của cuộc kiểm toán, Bên B sẽ yêu cầu Ban giám đốc của Bên A cung cấp giải trình bằng văn bản rằng Ban giám đốc của Bên A đã thực hiện đầy đủ các trách nhiệm được mô tả tại Khoản 2.1 trên.

- Thông tin mà Ban giám đốc của Bên A sử dụng để lập báo cáo tài chính thường bao gồm các sự kiện hoặc các xét đoán mà không được ghi chép trong sổ kế toán. Như một phần của các thủ tục kiểm toán thông thường, Bên B sẽ yêu cầu các thành viên Ban giám đốc và các nhân sự quản lý cấp cao thích hợp của Bên A cung cấp văn bản xác nhận đối với các giải trình bằng miệng liên quan đến các sự kiện hoặc xét đoán mà Bên B đã nhận được trong quá trình kiểm toán, và giúp bảo đảm rằng không có thông tin bị bỏ sót hoặc vô tình bị giữ lại mà không được cung cấp cho Bên B.

- Do tầm quan trọng của các giải trình của Ban giám đốc của Bên A đối với việc thực hiện hiệu quả dịch vụ, Bên A sẽ miễn trừ cho Bên B và nhân sự của Bên B khỏi mọi trách nhiệm, chi phí và các khoản chi phát sinh liên quan đến dịch vụ theo hợp đồng này, nếu do bất nguồn từ bất kỳ giải trình sai lệch nào mà được cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Trong mọi trường hợp, Bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm hay nghĩa vụ nào nếu thông tin trọng yếu liên quan đến cuộc kiểm toán của Bên B mà Bên A giữ lại hoặc che giấu, hoặc trình bày sai cho Bên B.

- Không thể giả định rằng thông tin có thể đã được cung cấp cho các giám đốc hoặc nhân viên khác của Bên B mà không tham gia vào cuộc kiểm toán này, được tự động cung cấp cho các thành viên tham gia vào cuộc kiểm toán này. Theo đó, điều quan trọng là tất cả thông tin có liên quan đến cuộc kiểm toán này phải được cung cấp trực tiếp cho các thành viên tham gia vào cuộc kiểm toán này, ngay cả khi thông tin đó đã được cung cấp cho các công ty thành viên khác của bên B.

♦ ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ SẢN PHẨM BÀN GIAO

3.1. Bên B có thể cung cấp các báo cáo dự thảo (bao gồm nhưng không giới hạn ở các ghi chú và tài liệu thảo luận) (“Báo cáo Dự thảo”), chỉ phục vụ mục đích thảo luận và có thể được chỉnh sửa khi cần thiết. Các Báo cáo Dự thảo này không được xem là sản phẩm bàn giao từ cuộc kiểm toán của Bên B theo hợp đồng này. Bên A đồng ý rằng sẽ cần trọng để tránh việc phân phối không phù hợp các Báo cáo Dự thảo này đến những người không phải là các cá nhân được xem là hợp lý của Bên A trong bối cảnh của hợp đồng để nhận các Báo cáo Dự thảo nói trên. Không được dựa vào các Báo cáo Dự thảo của Bên B cho bất kỳ mục đích nào khác.

3.2. Bản báo cáo kiểm toán chính thức được dùng để làm căn cứ sẽ luôn luôn là bản in trên giấy (“bản cứng”) do Bên B ký và giao. Không được đặt bất kỳ sự tin cậy nào vào bản mềm được cung cấp hoặc thu thập bằng bất kỳ phương thức nào.

3.3. Bên B không có trách nhiệm thực hiện bất kỳ thủ tục kiểm toán nào hoặc tiến hành bất kỳ cuộc điều tra nào liên quan đến báo cáo tài chính sau ngày lập báo cáo kiểm toán. Tuy nhiên, sau ngày lập báo cáo kiểm toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được công bố, Bên A phải thông báo cho Bên B về các sự kiện có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính. Ban giám đốc của Bên A phải thực hiện các hành động thích hợp để điều chỉnh báo cáo tài chính khi cần thiết.

3.4. Nếu sau khi báo cáo tài chính đã được công bố mà Bên B phát hiện một sự kiện thực tế đã tồn tại tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán của Bên B và sự kiện này, nếu được biết tại thời điểm đó, sẽ dẫn đến việc sửa đổi báo cáo kiểm toán, thì Bên B sẽ trao đổi với Ban giám đốc của Bên A vấn đề phải thực hiện các biện pháp phù hợp theo hoàn cảnh thực tế.

3.5. Ngoài việc phát hành bản cứng của báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Bên A có thể đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính cùng với báo cáo kiểm toán của Bên B lên internet, với điều kiện phiên bản điện tử phải giống hoàn toàn với bản cứng cuối cùng đã được ký. Trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật cho việc phân phối báo cáo tài chính dưới dạng điện tử, bao gồm cả báo cáo kiểm toán của Bên B, thuộc về Ban giám đốc của Bên A. Bên B không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu báo cáo kiểm toán bị chỉnh sửa dưới bất kỳ hình thức nào bởi bất kỳ ai.

3.6. Có thể có những trường hợp Bên A yêu cầu đưa bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán và báo cáo kiểm toán của Bên B vào bản cáo bạch, tài liệu chào bán hoặc giới thiệu cho mục đích huy động vốn. Trong mỗi trường hợp như vậy, phải có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên B. Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam yêu cầu Bên B đọc các tài liệu có chứa ý kiến kiểm toán của Bên B đối với báo cáo tài chính. Bên B có thể đồng ý cung cấp báo cáo với điều kiện Bên B được xem trước tài liệu có chứa báo cáo kiểm toán của mình và trong tài liệu đó phải nêu rõ rằng trách nhiệm của Bên B chỉ đối với các thành viên của Bên A; Bên B không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào phát sinh đối với các bên khác khi họ hành động hoặc không hành động dựa trên báo cáo của Bên B. Việc xem xét các tài liệu có chứa báo cáo kiểm toán của Bên B nằm ngoài phạm vi của hợp đồng dịch vụ này.

SẢN PHẨM BÀN GIAO

3.7. Sau khi kết thúc soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo soát xét kèm theo báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2026 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI;
- Báo cáo soát xét được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan.

3.8. Sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán kỳ cuối năm, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2026 của Công ty Cổ phần Xi măng Quán Triều VVMI;
- Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705, số 706 và các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.
- Thư quản lý đề cập đến các hạn chế cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A.

3.9. Thư xác nhận số liệu báo cáo năm 2026 của hệ thống Báo cáo quản trị TKV (mẫu báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017.

- Mỗi Báo cáo kiểm toán/ soát xét được lập thành 10 (mười) bộ bằng tiếng Việt và 04 (bốn) bộ tiếng Anh, trong đó Bên A giữ 09 (chín) bộ tiếng Việt và 03 (ba) bộ tiếng Anh, Bên B giữ 01 (một) bộ tiếng Việt và 01 (một) bộ tiếng Anh.

- Thư quản lý và Thư xác nhận được lập thành năm 05 (năm) bộ bằng tiếng Việt, Bên A giữ 04 (bốn) bộ, bên B giữ 01 (một) bộ.

- Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán/ hoặc báo cáo soát xét của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán/ hoặc soát xét, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

♦ ĐIỀU 4: THỜI HẠN PHÁT HÀNH BÁO CÁO

- Các báo cáo sẽ được phát hành trong thời gian nhanh nhất theo đúng kế hoạch kiểm toán nếu hai bên A thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại điều 2, cụ thể như sau:

- Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/6/2026 được phát hành chậm nhất là ngày 19/8/2026;

- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2026 được phát hành chậm nhất là ngày 09/3/2027.

- Trường hợp có những phát sinh ngoài dự kiến hai bên sẽ cùng bàn bạc trao đổi để có thể phát hành báo cáo càng sớm càng tốt.

♦ ĐIỀU 5: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ

Giá Phí dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính được quy định dựa trên cơ sở cân đối giữa tính chất, khối lượng công việc phải thực hiện cũng như thời gian và năng lực chuyên môn cần thiết của các kiểm toán viên để hoàn thành công việc và các chi phí khác có liên quan.

Stt	Nội Dung	Giá dịch vụ
1	Dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026	
	- Phí kiểm toán Báo cáo tài chính cho 6 tháng và năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026 và ngày 31/12/2026 và xác nhận số liệu quản trị của Công ty cổ phần xi măng Quán Triều VVMI	70.000.000
	- Phí dịch vụ phát hành cáo cáo kiểm toán bằng tiếng Anh cho 6 tháng và năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2026 và ngày 31/12/2026	10.000.000
	Thuế giá trị gia tăng (8%)	6.400.000
	Tổng giá trị	86.400.000
	<i>Bằng chữ: Tám mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn đồng./.</i>	

Phương thức thanh toán

- Phí kiểm toán sẽ được Bên A thanh toán bằng tiền chuyển khoản qua ngân hàng, chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH Kiểm toán BDO, với các thông tin chi tiết như sau:

- Tên tài khoản: Công ty TNHH Kiểm toán BDO
- Số tài khoản: 288 113 214 3998 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Phòng giao dịch Nam Trung Yên

Thời hạn thanh toán

- Lần 1: Tạm ứng 30% giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và Bên B có đề nghị thanh toán gửi cho Bên A.

- Lần 2: Thanh toán 50% giá trị hợp đồng (sau khi đã khấu trừ 50% giá trị tiền tạm ứng) trong vòng 30 ngày kể từ khi Bên B phát hành Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính.

- Lần 3: Thanh toán giá trị còn lại hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ khi nhà thầu phát hành Báo cáo kiểm toán, Thư quản lý.

ĐIỀU 6: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1. Quyền chấm dứt hợp đồng của Bên A

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với Bên B bằng văn bản và yêu cầu bồi thường theo quy định trong hợp đồng và phải thông báo cho Bên B trước, ít nhất là 30 ngày, nếu xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây:

+ Bên B không còn đủ điều kiện cung cấp dịch vụ theo quy định pháp luật, và bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu đình chỉ việc cung cấp dịch vụ; hoặc

+ Bên B không tuân thủ các yêu cầu về bảo mật thông tin theo quy định tại khoản 2.3 của hợp đồng này; hoặc

+ Bên B không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng và không khắc phục các nghĩa vụ chưa thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên A.

- Quyền yêu cầu bồi thường trong hợp đồng có thể được thực hiện bằng cách khấu trừ vào phí dịch vụ khi thanh toán.

- Trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng không phụ thuộc vào các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng, Bên A đồng ý thanh toán toàn bộ phí dịch

vụ và các chi phí khác (bao gồm chi phí nhân viên và các chi phí liên quan khác) mà Bên B đã phát sinh cho đến ngày chấm dứt hợp đồng.

6.2. Quyền chấm dứt hợp đồng của Bên B

- Bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với Bên A bằng văn bản và yêu cầu bồi thường theo quy định trong hợp đồng và phải thông báo cho Bên A trước, ít nhất là 30 ngày, nếu xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây:

+ Bên A không thanh toán phí dịch vụ đúng thời hạn quy định trong hợp đồng này; hoặc

+ Bên A không tuân thủ kế hoạch kiểm toán mà hai bên đã thỏa thuận hoặc Bên A không đáp ứng các yêu cầu của Bên B để hoàn thành dịch vụ mà không có lý do chính đáng, mặc dù Bên B đã có yêu cầu bằng văn bản đề nghị Bên A thực hiện các yêu cầu đó.

- Bên B cũng có thể chấm dứt hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A nếu việc thực hiện hợp đồng bao gồm thỏa thuận phí có thể ảnh hưởng đến tính độc lập của Bên B hoặc dẫn đến bên B vi phạm các quy định pháp luật hoặc yêu cầu của chuẩn mực mà Bên B phải tuân thủ.

- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện dịch vụ không theo quy định như trong hợp đồng, thì Bên B sẽ phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ phí dịch vụ mà Bên B đã nhận từ Bên A.

6.3. Hợp đồng cũng có thể chấm dứt hiệu lực trong trường hợp sau:

Sự kiện bất khả kháng: Không bên nào phải thực hiện bất kỳ điều khoản, cam kết hoặc điều kiện nào của hợp đồng dịch vụ này nếu việc thực hiện bị trì hoãn hoặc bị cản trở do sự kiện bất khả kháng, bao gồm thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh, các thảm họa không thể lường trước khác, sự thay đổi chính sách hoặc lệnh cấm do cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam ban hành, nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của một trong hai bên và không phải do lỗi hoặc sơ suất của bên đó. Nếu do một trong những điều kiện nêu trên mà một bên không thể thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào được quy định theo hợp đồng và gửi thông báo bằng văn bản cho bên kia ngay khi có thể sau khi sự kiện xảy ra, thì việc không thực hiện đó không được xem là vi phạm hợp đồng; và thời hạn thực hiện nghĩa vụ sẽ được gia hạn, nhưng chỉ trong phạm vi và thời gian mà sự kiện bất khả kháng tiếp diễn. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài vượt quá thời gian hợp lý, cả hai bên sẽ có quyền lựa chọn chấm dứt hợp đồng này và các điều khoản về chấm dứt hợp đồng sẽ được áp dụng.

Bên A hoặc Bên B bị tuyên bố phá sản hoặc giải thể; hoặc

khi có thỏa thuận chấm dứt giữa Bên A và Bên B.

♦ ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN TÁCH RỜI

Nếu bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng dịch vụ này, hoặc bất kỳ phần nào của điều khoản đó, bị bất kỳ cơ quan tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền nào tuyên bố là vô hiệu, có thể bị vô hiệu, trái pháp luật hoặc không thể thực thi được, thì các điều

khoản còn lại của hợp đồng này vẫn giữ nguyên hiệu lực và được tiếp tục thực hiện đầy đủ.

♦ **ĐIỀU 8: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Các điều khoản hợp đồng dịch vụ này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

Các bên đồng ý thực hiện hợp đồng dịch vụ này trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và vì lợi ích của cả hai bên. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dịch vụ này hoặc từ các điều khoản này trước tiên sẽ được giải quyết thông qua thảo luận và thương lượng. Nếu thông qua thảo luận và thương lượng mà không giải quyết được, tranh chấp sẽ được đưa ra và giải quyết cuối cùng bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc của VIAC đang có hiệu lực tại thời điểm phát sinh tranh chấp, bất đồng hoặc khiếu kiện.

Ngôn ngữ sử dụng trong quá trình trọng tài sẽ là tiếng Việt và địa điểm trọng tài sẽ là tại Việt Nam. Phán quyết của hội đồng trọng tài là chung thẩm và có giá trị ràng buộc đối với các bên.

♦ **ĐIỀU 9: TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ CHỐNG THAM NHŨNG**

Liên quan đến hợp đồng dịch vụ này, Bên A và Bên B sẽ tuân thủ các quy định của Luật Phòng chống tham nhũng của Việt Nam.

♦ **ĐIỀU 10: CÁC ĐIỀU KHOẢN THỎA THUẬN KHÁC**

10.1. Các hồ sơ và giấy làm việc do Bên B lập trong quá trình kiểm toán theo hợp đồng này, bao gồm các tài liệu và hồ sơ điện tử, là tài sản riêng của Bên B.

10.2. Bên B không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên B theo thỏa thuận trong hợp đồng này nếu việc không thực hiện hoặc chậm trễ đó là do từ các nguyên nhân nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của Bên B.

10.3. Trong trường hợp Bên B bị yêu cầu, theo bất kỳ trật đòi hầu tòa hoặc bất kỳ yêu cầu hay thủ tục nào khác, phải xuất trình các hồ sơ làm việc của Bên B hoặc bất kỳ tài liệu nào khác, hoặc phải hỗ trợ hay cung cấp giải trình liên quan đến hợp đồng này trong bất kỳ thủ tục tư pháp hoặc thủ tục nào khác, thì Bên A phải hoàn trả cho Bên B theo mức phí tiêu chuẩn đối với thời gian chuyên môn và các chi phí phát sinh của Bên B, bao gồm toàn bộ chi phí pháp lý, cho việc đáp ứng trật đòi, yêu cầu hoặc thủ tục đó.

10.4. Liên lạc bằng thư điện tử qua Internet

Do tính chất mở, không an toàn và không đáng tin cậy của thư điện tử qua Internet, chính sách của Bên B là chỉ liên lạc với Bên A bằng thư điện tử qua Internet nếu Bên A có yêu cầu cụ thể Bên B sử dụng phương thức liên lạc này đối với hợp đồng dịch vụ. Nếu Bên A lựa chọn liên lạc với Bên B qua thư điện tử Internet, Bên A thừa nhận và chấp nhận các rủi ro liên quan đến phương thức liên lạc đó, bao gồm (nhưng không giới hạn) thiếu sự đảm bảo an toàn, không đáng tin cậy trong việc gửi/nhận (email) và khả năng mất tính bảo mật hoặc tính đặc quyền của thông tin. Bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm hay nghĩa vụ nào đối với các rủi ro liên

quan đến việc sử dụng thư điện tử Internet, bao gồm bất kỳ thiệt hại hoặc khả năng thiệt hại đối với hệ thống máy tính của Bên A, hoặc dữ liệu được lưu trữ trên các hệ thống đó, phát sinh từ virus hoặc các vấn đề khác do việc trao đổi thông tin qua thư điện tử Internet gây ra. Ngoài ra, do tính chất không an toàn của phương tiện thư điện tử Internet, bất kỳ tuyên bố nào được nêu trong email đều không nên được xem là có giá trị ràng buộc trừ khi được xác nhận bằng văn bản trên giấy tiêu đề của Bên B.

♦ **ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN CAM KẾT**

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có gặp khó khăn, cản trở tới việc thực hiện dịch vụ kiểm toán, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi tìm biện pháp giải quyết thích hợp trên tinh thần hợp tác, tôn trọng quyền lợi của nhau.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

♦ **ĐIỀU 12: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng này đảm bảo giá trị cho đến khi thanh lý hợp đồng hay một trong hai bên huỷ bỏ hợp đồng do bên kia không thực hiện đúng những cam kết ghi trong hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 03 (ba) bản bằng tiếng Việt, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 01 (một) bản, có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký và dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

